

Bản án số: 83/2024/DS-ST.

Ngày: 17-5-2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tấn Lợi.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ X, ấp Thạnh H1, xã Thạnh B, huyện Tân B1, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ Z, ấp Thạnh H2, xã Thạnh Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Lộc thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-02-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H có tham gia góp 02 dây hui do bà Phan Thị M làm chủ, cụ thể:

Dây hui thứ nhất: Khai ngày 25-5-2020 âm lịch, hui khai 1.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, bà H tham gia 02 phần và đóng được 18 kỳ hui sống thì

bà M tuyên bố bề hụi. Số tiền hụi bà H đã đóng cho bà M từng kỳ hụi, bà H không nhớ rõ nhưng trung bình từng kỳ bà H đóng khoảng 700.000 đồng/phần/kỳ X18 kỳ X 02 phần là 25.200.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Khai ngày 20-6-2020 âm lịch, hụi khai 1.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, bà H tham gia 02 phần và đóng được 17 kỳ hụi sống thì bà M tuyên bố bề hụi. Số tiền hụi bà H đã đóng cho bà M từng kỳ hụi, bà H không nhớ rõ nhưng trung bình từng kỳ bà H đóng khoảng 700.000 đồng/phần/kỳ X17 kỳ X 02 phần là 23.800.000 đồng.

Tổng cộng, 02 dây hụi bà H đóng cho bà M là 49.000.000 đồng. Sau khi bà M tuyên bố bề hụi thì bà H và một số hụi viên nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân B1, tỉnh Tây Ninh để yêu cầu bà M trả tiền nợ hụi (thời điểm này, bà M cư trú tại huyện Tân B1, tỉnh Tây Ninh, sau khi ly hôn chồng thì bà M về huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh sinh sống). Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Tân B1, tỉnh Tây Ninh thì Tòa án xét thấy bà M có dấu hiệu phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên hướng dẫn bà H rút đơn khởi kiện và gửi đơn tố giác đến Công an huyện Tân B1, tỉnh Tây Ninh để điều tra hành vi phạm tội của bà M. Theo bản án số 95/2023/HS-ST, ngày 22-12-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã có hiệu lực pháp luật, xử phạt bà M 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và buộc bà M có nghĩa vụ bồi thường cho bà H số tiền chiếm đoạt là 19.179.000 đồng. Trong phần nhận định của bản án trên có nhận định đối với số tiền chênh lệch mà các hụi viên thực đóng và số tiền bà M chiếm đoạt phải chịu trách nhiệm hình sự sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Số tiền chênh lệch mà bà H thực đóng và số tiền bà M chiếm đoạt phải chịu trách nhiệm hình sự là 29.821.000 đồng (49.000.000 đồng - 19.179.000 đồng). Theo đơn khởi kiện ngày 19-02-2024, bà H yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hụi 50.821.000 đồng. Ngày 02-4-2024, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Phan Thị M có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hụi là 29.821.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn Phan Thị M trình bày:

Bà Phan Thị M thống nhất theo lời trình bày của bà Trần Thị H và bà M đồng ý trả cho bà H số tiền nợ hụi 29.821.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về Hộ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bà Phan Thị M. Buộc bà Phan Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ hụi 29.821.000 đồng. Ghi nhận, bà Trần Thị H không yêu cầu tính tiền lãi.

+ Về án phí: Bà Phan Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H và bà Phan Thị M là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án, đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H và bà M.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị H yêu cầu bà Phan Thị M có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hụi 29.821.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Bà Trần Thị H và bà Phan Thị M thống nhất, bà H có tham gia góp 02 dây hụi khui ngày 25-5-2020 và ngày 20-6-2020, hụi khui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, mỗi dây hụi bà H tham gia 02 phần. Số tiền bà H thực đóng hụi cho bà M đối với 02 dây hụi trên là 49.000.000 đồng và số tiền chênh lệch mà bà H thực đóng hụi với số tiền bà M chiếm đoạt phải chịu trách nhiệm hình sự theo bản án số 95/2023/HS-ST, ngày 22-12-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã có hiệu lực pháp luật là 29.821.000 đồng (49.000.000 đồng - 19.179.000 đồng).

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M đồng ý trả cho bà H số tiền nợ hụi là 29.821.000 đồng, được Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc bà M có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hụi 29.821.000 đồng. Ghi nhận, bà H không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H 1.271.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà M phải chịu 1.491.000 đồng (29.821.000 đồng X 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về Hộ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” đối với bà Phan Thị M.

1.1. Buộc bà Phan Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ hội 29.821.000 đồng (hai mươi chín triệu, tám trăm hai mươi một nghìn đồng). Ghi nhận, bà Trần Thị H không yêu cầu tính tiền lãi.

1.2. Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phan Thị M chưa thi hành xong số tiền trên, thì bà Phan Thị M còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thị H 1.271.000 đồng (một triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005966, ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Bà Phan Thị M phải chịu 1.491.000 đồng (một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân C;
- Chi cục THADS huyện Tân C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Lê Đức Dũng